

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1121/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017; số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018, số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019, số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021; số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021, số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021, số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021, số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022; số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 và 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023;

Căn cứ Quyết định số 58/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3210/TTr-SKHĐT ngày 18/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm: 121 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 94 TTHC, cấp huyện: 25 TTHC và cấp xã: 02 TTHC (Có phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn niêm yết, công khai thực hiện.

2. Rà soát Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (94 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (51 TTHC)				
1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc	- Như trên -	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh. 	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
5	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
6	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
7	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
8	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	- Như trên -	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. 	- Như trên -
10	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
11	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
13	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
14	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
16	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
17	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
18	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
19	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
20	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
21	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
22	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
23	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
24	<p>Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: 04 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Như trên - 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Như trên -
25	<p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</p>	<p>03 ngày làm việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Như trên - 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. 	<p>Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
26	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
27	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
28	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: 04 ngày làm việc.	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
29	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Miễn lệ phí. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
30	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
31	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	- Như trên -
32	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có phần và công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có phần và công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có phần)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty có phần và ngược lại	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
36	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có phần	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
37	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
38	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Như trên -
40	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
41	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Quyết định số 855/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
42	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	02 ngày làm việc	- Như trên -	<p>- Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, thư điện tử, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính.</p> <p>- Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>	- Như trên -
43	Giải thể doanh nghiệp	04 ngày làm việc	- Như trên -	Miễn lệ phí	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
44	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	04 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
45	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	04 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
46	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	- Như trên -	Miễn lệ phí	Quyết định số 885/QĐ-BKHHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
47	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	02 ngày làm việc	- Như trên -	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Quyết định số 855/QĐ-BKHHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1550/QĐ-BKHHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
48	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
49	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
50	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
51	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Quyết định số 885/QĐ-BKHHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ				
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	50.000 đồng/lần	Quyết định số 654/QĐ-BKHHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 58/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh.
II	LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (06 TTHC)				
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không có	Quyết định số 1397/QĐ-BKHHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
5	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Chưa quy định	- Như trên -	Chưa quy định	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	14 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, 44, đường 16/4, Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
III LĨNH VỰC ĐẦU TƯ (22 TTHC)					
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công, 44, đường 16/4, Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	23 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	- 03 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi tên dự án, tên nhà đầu tư; - 09 ngày làm việc đối với các trường hợp thay đổi nội dung khác.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	29 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	29 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	11 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	05 ngày làm việc	Như trên -	Như trên -	Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	16 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư	05 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	14 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại; - 03 ngày làm việc đối với trường hợp hiệu đính.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	14 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	14 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	14 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
IV	LĨNH VỰC ĐÁU THẦU, ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ, ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (10 TTHC)				
1	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, trong đó: + Sở Kế hoạch và Đầu tư là 03 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 02 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công (Địa chỉ: Số 44 Đường 16 tháng 4, phường Tân Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm).	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Thời gian giải quyết là 28 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập) là 21 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 7 ngày làm việc.	- Như trên -	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng và tối đa là 200.000.000 đồng.	- Như trên -
3	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	- Thời gian tổng hợp danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 21 ngày làm việc. - Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất của UBND tỉnh là 07 ngày làm việc.	- Như trên -	Không	Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, trong đó: + Sở Kế hoạch và Đầu tư là 03 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 02 ngày làm việc.	- Như trên -	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Thời gian giải quyết là 17 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập) là 14 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 03 ngày làm việc.	- Như trên -	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	- Như trên -
6	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Thời gian thẩm định là 21 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng thẩm định cấp cơ sở là 16 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 05 ngày làm việc. - Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Hội đồng nhân dân tỉnh là 10 ngày làm việc.	- Như trên -	Không	Quyết định số 357/QĐ-BKHHĐT ngày 02/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Thời gian thẩm định Hội đồng thẩm định cấp cơ sở là 42 ngày làm việc - Quyết định dự án của UBND tỉnh là 10 ngày làm việc.	- Như trên -	Không	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thẩm định là 21 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng thẩm định cấp cơ sở là 16 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 05 ngày làm việc. - Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Hội đồng nhân dân tỉnh là 10 ngày làm việc. 	- Như trên -	Không	- Như trên -
9	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thẩm định Hội đồng thẩm định cấp cơ sở là 42 ngày làm việc - Quyết định dự án của UBND tỉnh là 10 ngày làm việc. 	- Như trên -	Không	- Như trên -
10	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, trong đó: + Sở Kế hoạch và Đầu tư là 04 ngày làm việc. + UBND tỉnh là 03 ngày làm việc. 	- Như trên -	Không	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (04 TTHC)					
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	Thời hạn thẩm định Văn kiện không quá 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công (Địa chỉ: Số 44 Đường 16 tháng 4, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm). - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: Số 57 Đường 16/4, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không	Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: a. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia: không quá 60 ngày; b. Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 45 ngày; c. Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 45 ngày; c. Đối với các dự án khác không quy định tại điểm a, b, c nêu trên: Không quá 30 ngày	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>Thời hạn giải quyết</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Không Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT TT Tên thủ tục hành chính Thời hạn giải quyết Địa điểm thực hiện Phí, lệ phí (nếu có) Căn cứ pháp lý có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện</p>			
3	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	<p>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.</p> <p>Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể chương trình dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan, nhà tài trợ nước ngoài</p>	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm, chủ dự án gửi cơ quan chủ quản và thông qua cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (25 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ (02 TTHC)				
1	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, trong đó: + Phòng Tài chính - Kế hoạch là 03 ngày làm việc. + UBND huyện là 02 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Thời gian giải quyết là 28 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thành lập) là 21 ngày làm việc. + UBND huyện là 7 ngày làm việc.	- Như trên -	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng và tối đa là 200.000.000 đồng.	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II LĨNH VỰC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU (02 TTHC)					
1	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, trong đó: + Phòng Tài chính - Kế hoạch là 03 ngày làm việc. + UBND huyện là 02 ngày làm việc.	- Như trên -	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Thời gian giải quyết là 17 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thành lập) là 14 ngày làm việc. + UBND huyện là 03 ngày làm việc.	- Như trên -	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	- Như trên -
III LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH (05 TTHC)					
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần	Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 58/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
3	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
IV	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ (16 TTHC)				
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 58/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh.
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	50.000 đồng/lần	- Như trên -
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc	- Như trên -	50.000 đồng/lần	- Như trên -
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐÁU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU (02 TTHC)				
1	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc: UBND xã. - Thời gian giải quyết là 17 ngày làm việc, trong đó: + Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (do người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu ở xã thành lập) là 14 ngày làm việc. + UBND xã là 03 ngày làm việc.	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 1038/QĐ- BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu		- Như trên -	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	- Như trên -